

**PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch hành động số 118 /KH-UBND ngày 09/4/2026
của Ủy ban nhân dân xã Phong Quang)

STT	Nội dung các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
I.	KINH TẾ			
1.	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) phân đầu đạt bình quân	%	12,1	Phòng Kinh tế
2.	Thu nội địa, trong đó:	Tỷ đồng	150	Phòng Kinh tế
	- Thu tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	107	Phòng Kinh tế
	- Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	43	Phòng Kinh tế
3.	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân	%	11	Phòng Kinh tế
4.	Tỷ lệ thôn bản có đường giao thông được cứng hóa đi lại thuận tiện	%	100	Phòng Kinh tế
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới đảm bảo theo quy chuẩn	%	100	Phòng Kinh tế
	Tỷ lệ thôn bản có sóng điện thoại di động	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
5.	Tổng sản lượng lương thực có hạt hàng năm	tấn	2.000	Phòng Kinh tế
6.	Trồng rừng tập trung	ha	400	Phòng Kinh tế
7.	Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2030 đạt trên 60 triệu đồng/năm.	Triệu đồng	65	Phòng Kinh tế
8.	Phát triển sản phẩm OCOP mới	Sản phẩm	3	Phòng Kinh tế
9.	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	50	Phòng Kinh tế
10.	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng	Tấn	200	Phòng Kinh tế

STT	Nội dung các chỉ tiêu		Đơn vị tính	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
II.	VĂN HÓA - XÃ HỘI				
11.	Xã đạt chuẩn xã nông thôn mới	Theo Khung Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022)	Tiêu chí	19/19	Phòng Kinh tế
		Theo khung Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030 (theo Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025)	Tiêu chí	10/10	Phòng Kinh tế
12.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo		%	>75	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp		%	>38	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn		%	<2,3	Phòng Văn hóa - Xã hội
13.	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế		%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế xã
14.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)		%	<11,3	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế xã
15.	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS		%	98	Phòng Văn hóa - Xã hội, các Trường học
16.	Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2			Giữ vững	Phòng Văn hóa - Xã hội, các Trường học
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi		%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội, các Trường học
17.	Phần đầu đến năm 2030 có 100% trường học đạt chuẩn quốc gia.		%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội, các Trường học
18.	Phần đầu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		%	0	Phòng Kinh tế

STT	Nội dung các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới giai đoạn 2026-2030 (đến năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo còn 5,72%)	%	2	Phòng Kinh tế
19.	Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa	%	>90	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn thôn văn hóa	%	>90	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Thành lập và duy trì ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao	CLB	05	Phòng Văn hóa - Xã hội
20.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
21.	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học đến năm 2030	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
22.	Xã có trạm truyền thanh tốt	Tốt	Tốt	Phòng Văn hóa - Xã hội
23.	Tổng số hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
24.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên địa bàn 1Gb/S	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
III.	MÔI TRƯỜNG			
25.	Tỷ lệ che phủ rừng	%	>75	Phòng Kinh tế
26.	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định	%	85	Phòng Kinh tế
27.	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	85	Phòng Kinh tế
	Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải tại nông thôn	%	85	Phòng Kinh tế

STT	Nội dung các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Trạm y tế xã
28.	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh	%	20	Phòng Kinh tế
IV.	QUỐC PHÒNG - AN NINH			
	Tuyển quân hằng năm	%	100	Ban Chỉ huy Quân sự xã
29.	Thực hiện giáo dục bồi dưỡng, kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	23	Ban Chỉ huy Quân sự xã
30.	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm	%	90	Công an xã
31.	Số thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự	thôn	18	Công an xã
32.	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số	%	5,83	Ban Chỉ huy Quân sự xã